

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07/02/2025

Về việc ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG NHÉ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vi Văn Thụy
- Ông Vàng Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Nhé tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2024/TLST- HNGĐ ngày 12/12/2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Tản Láo T, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 12/9/2019 chị Th, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên, kết hôn tự nguyện. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, những năm sau có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình, anh T còn có những mối quan hệ ngoài luồng khác, hai vợ chồng đã được trưởng bản hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không hàn gắn được. Đến tháng 8 năm 2024 hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân. Chị Th thấy tình cảm vợ chồng không duy trì được, cuộc sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt

được, chị Th yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tần Láo T.

*Về con riêng, con nuôi:* Chị Th và anh T không có con riêng, không có con nuôi.

*Về con chung:* Các đương sự có một con chung là cháu Tần Thảo M, sinh ngày 20/10/2016, chị Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:* Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có nợ riêng.

Đối với bị đơn anh Tần Láo T:

Toà án đã thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án; được Toà án triệu tập họp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T vắng mặt.

Ngày 10/01/2025 Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định xét xử cho các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Th vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Về con chung, các đương sự có 01 con chung là cháu Tần Thảo M, sinh ngày 20/10/2016, chị Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có nợ riêng.

Trong bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T nêu quan điểm không đồng ý ly hôn, không bày tỏ quan điểm về việc giải quyết con chung, về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng do không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị Th. Về con chung, căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Th. Về án phí, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Đặng Thị Th.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân huyện Mường Nhé thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn chị Th và bị đơn anh Tả đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th:

Chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Th và anh T có phát sinh mâu thuẫn, rạn nứt tình cảm vợ chồng, quá trình chung sống hay bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình, anh T đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để hoà giải đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có mong muốn hòa giải đoàn tụ gia đình. Chị Th và anh T đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Chị Th không còn yêu thương anh T, cuộc sống chung của chị Th và anh T không tiếp tục duy trì được nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Th: Chị Th và anh T có 1 con chung là cháu Tân Thảo M, sinh ngày 20/10/2016, chị Th yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy cháu M từ nhỏ đã ở với mẹ, đến khi chị Th và anh T ly thân thì cháu M vẫn ở với mẹ, cháu M đã quen với việc được chăm sóc từ mẹ và trong đơn ghi nguyện vọng cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy để cuộc sống cũng như việc học tập của cháu M không bị xáo trộn, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu M cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T có quyền

và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Các bên đương sự cũng có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về con riêng, con nuôi: Các đương sự không có con riêng, không có con nuôi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ riêng, nợ chung: Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có nợ riêng, không có nợ chung.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Đặng Thị Th.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đặng Thị Th.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Tấn Láo T.

2. *Về con chung, con riêng, con nuôi:*

Con chung: Giao cháu Tấn Thảo M, sinh ngày 20/10/2016 cho chị Đặng Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tấn Láo T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T, chị Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Con riêng, con nuôi: Các đương sự không có con riêng, không có con nuôi.

3. *Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:* Các đương sự không có tài sản riêng, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có nợ riêng.

4. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Đặng Thị Th.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Phòng KTNV-THA (TAND tỉnh Điện Biên);
- Viện kiểm sát huyện Mường Nhé;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mường Nhé;
- UBND xã P; huyện M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Dương Thị Nhung**